HỢP ĐỒNG BẢO MẬT THÔNG TIN

Số: ……../HĐBM/DVT-…..

Hôm nay, ngày tháng năm , tại Văn phòng Công ty Cổ phần Công nghệ Daviteq.

Chúng tôi gồm:

BÊN A : CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ DAVITEQ
Địa chỉ ĐK : Số 42, đường số 15, Phường An Phú, TP. Thủ Đức, TP. HCM
Địa chỉ VP : Số 11 Đường 2G, Khu dân cư Nam Hùng Vương – Bắc Trần Văn Kiểu, P.An Lạc, Q.Bình Tân, TP. HCM.
MSDN : 0303507984 do Sở KH&ĐT Tp. HCM cấp ngày 22/09/2004
Điện thoại : (848) 62682523/24
Đại diện bởi : **Ông NGUYỄN VĨNH LỘC**
Chức vụ : Giám đốc

BÊN B :
Địa chỉ :
MSDN :
CCCD : **CCCD chỉ áp dụng cho cá nhân*
Điện thoại : … Fax: …….
Đại diện bởi :
Chức vụ :

Xét rằng:

- Bên A là Doanh nghiệp có nhu cầu mua sản phẩm hay dịch vụ từ bên B;
- Bên B là bên có khả năng cung cấp sản phẩm hay dịch vụ đáp ứng yêu cầu của bên A;
- Các Bên cùng có nhu cầu và đang trong quá trình trao đổi, thỏa thuận về việc hợp tác ***(" Sau đây gọi tắt là Giao dịch")***;
- Trong quá trình hợp tác và thỏa thuận thực hiện Giao dịch, các Bên có thể phải tiết lộ cho nhau các Thông tin Mật theo như định nghĩa sau đây. Hai Bên mong muốn rằng các thông tin này được giữ tối mật theo các điều khoản của Hợp đồng này. Trong Hợp đồng này, Bên nào cung cấp Thông tin Mật sẽ được gọi là **"Bên Cung cấp Thông tin"** và Bên được cung cấp Thông tin Mật sẽ được gọi là **"Bên nhận Thông tin".**
- Trên tinh thần đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các Bên.

Sau khi trao đổi, thỏa thuận, hai Bên thống nhất ký kết Hợp đồng Bảo mật này (Sau đây gọi là "Hợp đồng") với nội dung như sau:

ĐIỀU 1: ĐỊNH NGHĨA

1.1 **"Bí mật kinh doanh"** và **"tài sản sở hữu trí tuệ"**: được hiểu là các thông tin, tài liệu, ý tưởng kinh doanh, kết quả nghiên cứu, phát minh, thiết kế…được thể hiện hoặc lưu trữ dưới dạng văn bản, hình ảnh, phim, dữ liệu điện tử, mã code phần mềm tin học, thư điện tử, lời nói mà mỗi Bên có được và thuộc quyền sở hữu hợp pháp của mình. Bí mật kinh doanh và tài sản sở hữu trí tuệ còn được hiểu và thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam và thông lệ quốc tế (trong trường hợp pháp luật Việt Nam chưa có quy định).

1.2 **Quyền sở hữu mã nguồn**: Mọi mã nguồn phần mềm, bao gồm cả bản gốc và phần chỉnh sửa/ cập nhật/ nâng cấp được thực hiện bởi Bên B, dù toàn bộ hay một phần, đều là tài sản sở hữu trí tuệ của Bên A (Công ty CP Công nghệ Daviteq). Bên B không có bất kỳ quyền sở hữu, sử dụng, khai thác, chuyển nhượng, công bố hoặc phân phối mã nguồn dưới bất kỳ hình thức nào, trừ khi có sự đồng ý bằng văn bản của Bên A.

1.3 **"Thông tin Mật"** bao gồm nhưng không giới hạn các loại thông tin sau đây:

- Thông tin thuộc Bí mật kinh doanh và tài sản sở hữu trí tuê nêu tại điều 1.1 và 1.2 trên đây mà các Bên biết hoặc tiếp cận được trong quá trình thực hiện Giao dịch;
- Thông tin về các thảo luận liên quan đến Giao dịch đang diễn ra giữa hai Bên;
- Phương thức hoạt động và chiến lược kinh doanh của Bên cung cấp thông tin;
- Các dự án, hợp đồng Bên cung cấp thông tin đã và đang triển khai;
- Các đối tác, khách hàng đã, đang và sẽ thiết lập quan hệ với Bên cung cấp thông tin;
- Tình hình nội bộ, tài chính, nhân sự của Bên cung cấp thông tin;
- Thông tin liên quan đến các dự án phát triển sản phẩm của Bên cung cấp thông tin;
- Thông tin liên quan đến tài khoản và mật khẩu đăng nhập vào các hệ thống của Bên cung cấp thông tin;
- Thông tin liên quan đến quá trình thiết kế phần mềm, kiểu dáng, đặc tính của sản phẩm, quy trình sản xuất và thử nghiệm các sản phẩm của Bên cung cấp thông tin;
- Thông tin liên quan đến quy trình, hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008 đã được Công ty xây dựng, thực thi;
- Bất cứ các thông tin nào khác liên quan đến hoạt động của Bên cung cấp thông tin và đối tác, khách hàng của Bên cung cấp thông tin mà Bên nhận thông tin có được trong quá trình thực hiện Giao dịch.

1.4 Định nghĩa "Thông tin Mật" <u>không áp dụng</u> cho các thông tin mà:

- Đã được công khai tại thời điểm tiết lộ hoặc một thời điểm khác sau đó, mà không phải do lỗi của Bên nhận thông tin;
- Chỉ được Bên nhận thông tin tiết lộ sau khi nhận được sự đồng ý bằng văn bản của Bên cung cấp thông tin;

- Bên nhận thông tin nhận hoặc đã nhận được từ bất kỳ một bên thứ ba nào với điều kiện là Bên thứ ba này không, hoặc đã không bị ràng buộc gì bởi các hạn chế tiết lộ.

ĐIỀU 2: BẮT BUỘC PHẢI TIẾT LỘ

Bên nhận thông tin có thể tiết lộ Thông tin Mật của Bên cung cấp thông tin nếu và trong chừng mực là việc tiết lộ này là bắt buộc theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, hay theo quy định pháp luật, với điều kiện là Bên nhận thông tin thông báo cho Bên cung cấp thông tin trước một thời gian hợp lý và Bên nhận thông tin phải nổ lực để đảm bảo rằng việc tiết lộ này chỉ được tiết lộ duy nhất cho Bên mà Bên nhận thông tin bắt buộc phải tiết lộ.

ĐIỀU 3: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ

3.1 Đáp lại cho việc được cung cấp thông tin mật, Bên nhận thông tin cam kết sử dụng Thông tin Mật cho mục đích duy nhất là Giao dịch và không vì bất kỳ mục đích nào khác;

3.2 Thông tin mật không được phép tiết lộ hoặc để cho bất kỳ cá nhân hay tổ chức nào khác *(kể cả cá nhân thuộc Bên cung cấp thông tin hoặc cá nhân thuộc tổ chức tiếp nhận thông tin nếu người đó không được quyền tiếp cận thông tin mật)* dưới hình thức trực tiếp hoặc gián tiếp.Thông tin Mật chỉ được tiết lộ cho nhân viên, người quản lý, người được ủy quyền hay các nhà tư vấn của Bên nhận thông tin khi cần thiết để các Bên này thực hiện Giao dịch và các nghĩa vụ có liên quan đến Giao dịch. Bên nhận thông tin cũng sẽ thông báo và tiến hành các thủ tục cần thiết để đảm bảo việc tuân thủ Hợp đồng này với tất cả nhân viên, người quản lý, người được ủy quyền hay các nhà tư vấn đã nhận Thông tin Mật về các điều khoản của Hợp đồng này;

3.3 Bên nhận thông tin phải có trách nhiệm bảo mật, bảo đảm an toàn thông tin, duy trì sự cẩn trọng cần thiết trong quá trình lưu trữ nhằm tránh việc thông tin bị xâm phạm trái phép. Nghĩa vụ này áp dụng trong thời gian hợp tác theo hợp đồng hợp tác thực hiện Giao dịch và tiếp tục có hiệu lực sau khi hợp đồng hợp tác này chấm dứt. Trong thời gian hợp tác, Bên nhận thông tin cam kết nỗ lực tối đa ngăn chặn những hành vi tiết lộ hoặc sử dụng trái phép Thông tin Mật. Bên nhận thông tin sẽ xử lý Thông tin Mật một cách bảo mật, riêng tư và giữ bí mật thông tin Mật như cách Bên nhận thông tin sẽ xử lý và giữ bí mật đối với thông tin của riêng mình;

3.4 Tùy theo yêu cầu của Bên cung cấp thông tin, Bên nhận thông tin phải trả lại hoặc hủy bỏ ngay lập tức tất cả các văn bản và tài liệu, bao gồm cả những bản sao chép bằng các văn bản và tài liệu cùng loại hay những bản sao chép lưu trữ bằng chương trình xử lý văn bản hay trong hệ thống máy tính hay dưới bất kỳ hình thức điện tử nào khác, và không được giữ lại bản sao chép nào của các văn bản, tài liệu này;

3.5 Trong trường hợp Giao dịch chấm dứt, Bên nhận thông tin phải bàn giao lại toàn bộ các hồ sơ, giấy tờ có chứa các Thông tin Mật mà Bên nhận thông tin đã được giao hoặc quản lý, bao gồm cả những dữ liệu điện tử được lưu trữ trong máy tính cá nhân hoặc bất kỳ hình thức lưu trữ nào khác đối với dữ liệu điện tử. Nghiêm cấm hành vi khóa hoặc xóa hoặc mã hóa các dữ liệu máy tính có chứa Thông tin Mật trước khi chấm dứt Giao dịch

với Bên cung cấp thông tin nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Bên cung cấp thông tin hoặc người được uỷ quyền hợp pháp của Bên cung cấp thông tin.

3.6 Bên nhận thông tin (Bên B) cam kết không sử dụng lại, tái sử dụng, sao chép hoặc chỉnh sửa bất kỳ phần nào của mã nguồn, thư viện, cấu trúc phần mềm hoặc tài nguyên liên quan của Bên cung cấp thông tin (Bên A), cho bất kỳ dự án, tổ chức, cá nhân, sản phẩm hoặc dịch vụ nào khác, dù có liên quan hay không đến Giao dịch, trừ khi có sự chấp thuận rõ ràng bằng văn bản của Bên A.

ĐIỀU 4: THỎA THUẬN KHÔNG VI PHẠM

Ngoài nghĩa vụ bảo mật thông tin, Bên nhận thông tin cam kết không thực hiện các hành động sau đây trong thời gian thực hiện Giao dịch:

- Không đồng thời thực hiện Giao dịch dưới bất cứ hình thức nào với tổ chức, cá nhân có quyền lợi đối lập hoặc có khả năng cạnh tranh với Bên cung cấp thông tin;
- Không lợi dụng quan hệ giữa Bên cung cấp thông tin và Khách hàng, đối tác của Bên cung cấp thông tin hoặc lợi dụng uy tín của Bên cung cấp thông tin để thiết lập quan hệ hoặc thực hiện Giao dịch với Khách hàng, đối tác (Bên thứ 3) vì mục đích cá nhân hoặc vì bất cứ mục đích nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Bên cung cấp thông tin;
- Trường hợp vi phạm bất kỳ nghĩa vụ nào của Thỏa thuận, Bên nhận thông tin phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường để khắc phục toàn bộ thiệt hại của Bên cung cấp phát sinh bởi hành vi vi phạm của Bên nhận thông tin và/hoặc nhân viên, người đại diện hoặc bất cứ chủ thể nào liên quan đến Bên nhận thông tin.

ĐIỀU 5: HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và có giá trị trong suốt thời gian thực hiện Giao dịch và tiếp tục được duy trì sau 36 tháng kể từ ngày chấm dứt việc thực hiện Giao dịch giữa hai Bên.

Đối với các Thông tin Mật liên quan đến mã nguồn phần mềm, tài sản sở hữu trí tuệ và các công cụ kỹ thuật của Bên A, nghĩa vụ bảo mật có hiệu lực **vĩnh viễn**, không giới hạn thời gian.

Trong trường hợp Giao dịch không được thực hiện vì bất kỳ lý do gì, nghĩa vụ bảo mật thông tin của các Bên vẫn tiếp tục duy trì sau 36 tháng kể từ ngày hai Bên không đạt được việc thực hiện Giao dịch.

ĐIỀU 6: BỒI THƯỜNG THIỆT HẠI

Trong mọi trường hợp vi phạm các điều khoản nêu tại Hợp đồng này, Bên nhận thông tin có trách nhiệm bồi thường mọi thiệt hại cho Bên cung cấp thông tin, bao gồm nhưng không giới hạn những thiệt hại về vật chất, uy tín, thương hiệu của Bên cung cấp thông tin, chi phí để khắc phục thiệt hại, chi phí kiện tụng, chi phí thuê luật sư. Bên cung cấp thông tin có quyền thực hiện một hoặc đồng thời các biện pháp sau đây:

- Buộc Bên nhận thông tin thực hiện đúng Hợp đồng;

- Yêu cầu Bên nhận thông tin bồi thường thiệt hại do những tổn thất mà Bên cung cấp thông tin phải gánh chịu do hậu quả của việc tiết lộ Thông tin Mật do Bên nhận thông tin gây ra;
- Trường hợp Bên nhận thông tin vi phạm liên quan đến mã nguồn, tài sản sở hữu trí tuệ, mức bồi thường tối thiểu được xác định là 200 triệu đồng cho mỗi hành vi vi phạm, chưa bao gồm các thiệt hại thực tế và chi phí pháp lý phát sinh.
- Khởi kiện tại tòa án có thẩm quyền theo quy định của pháp luật hiện hành.

ĐIỀU 7: QUY ĐỊNH KHÁC

7.1 Hợp đồng này chịu sự điều chỉnh và được giải thích theo pháp luật Việt Nam. Trong trường hợp phát sinh tranh chấp, các Bên có nghĩa vụ thương lượng, hòa giải. Trong trường hợp không thể tiến hành hòa giải thì tranh chấp sẽ được Tòa án có thẩm quyền tại Việt Nam giải quyết.

7.2 Mọi sự thay đổi đối với hợp đồng này phải được lập thành phụ lục hợp đồng và được trình bày dưới hình thức là văn bản. Phụ lục hợp đồng chỉ có hiệu lực giải thích, làm rõ hoặc thay đổi hợp đồng này khi các Bên ký kết;

7.3 Trong trường hợp bất kỳ quy định nào của Hợp đồng này và các phụ lục đính kèm của Hợp đồng này bị bất kỳ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nào tuyên bố vô hiệu, hay bị vô hiệu theo quy định pháp luật Việt Nam, thì quy định đó sẽ tự động vô hiệu. Các quy định còn lại sẽ vẫn còn hiệu lực thi hành đối với các Bên. Quy định vô hiệu sẽ được thay thế bằng các quy định mới và phù hợp để các Bên đạt được các lợi ích của mình theo Hợp đồng này. Các Bên có nghĩa vụ thỏa thuận thay thế quy định bị vô hiệu trong thời hạn là 30 (*ba mươi*) ngày kể từ ngày quy định đó được xác định là vô hiệu;

7.4 Trong trường hợp hai Bên không đạt được sự thỏa thuận về việc hợp tác thực hiện Dự án, hoặc thực hiện Giao dịch nêu trên thì thỏa thuận tại Hợp đồng này vẫn có hiệu lực ràng buộc trong vòng 12 tháng tiếp theo, kể từ ngày hai Bên chính thức ký văn bản xác nhận hủy bỏ việc thực hiện Giao dịch.

7.5 Hợp đồng này được lập thành 02 (*hai*) bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau. Mỗi Bên giữ 01 (*một*) bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A	**ĐẠI DIỆN BÊN B**